

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II  
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	<b>Đọc hiểu</b>	Văn bản Nghị luận	3	0	5	0	0	2	0		60
2	<b>Viết</b>	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
<b>Tổng</b>			<b>15</b>	<b>5</b>	<b>25</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>100</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>20</b>		<b>40%</b>		<b>30%</b>		<b>10%</b>		
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>60%</b>				<b>40%</b>				

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Chương g/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	<b>Đọc hiểu</b>	Văn bản nghị luận	* Nhận biết: - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận * Thông hiểu:	3 TN	5TN	2TL	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.</li> <li>- Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.</li> <li>- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.</li> <li>- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.</li> </ul> <p>*Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.</li> <li>- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản.</li> </ul>				
2	<b>Viết</b>	Viết bài văn nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của sự tha thứ trong cuộc sống	<p><b>Nhận biết:</b></p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng</p>				1TL*

<b>Tổng</b>		<b>3 TN</b>	<b>5TN</b>	<b>2 TL</b>	<b>1 TL</b>
<b>Tỉ lệ %</b>		<b>20</b>	<b>40</b>	<b>30</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>		<b>60</b>		<b>40</b>	

## ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

**Môn:Ngữ văn 7**

**Năm học: 2022 - 2023**

### **I. ĐỌC HIỂU ( 6.0điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Những ai tự hào với với kết quả công việc của mình và luôn cố gắng tạo ra trải nghiệm ngày càng ý nghĩa hơn cho người thưởng thức là những người luôn thành công trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ngay cả nhân viên phục vụ ở tiệm bán thức ăn nhanh cũng có thể được xem là thành công khi anh ta dốc hết sức mình cho công việc: vừa nhận đơn đặt hàng qua điện thoại, vừa tươi cười với thực khách, vừa nhanh tay đóng gói thực phẩm khách mua về....

Bất cứ việc gì cũng đòi hỏi chúng ta phải thật sự chú tâm, giống như những nghệ sĩ trên sân khấu. Nếu bạn làm vì niềm vui, sự phấn khởi, vì những thử thách mà công việc ấy mang đến cho bạn và lòng tự hào về những gì làm được, bạn sẽ không ngừng phát triển bản thân. Nếu làm việc chỉ vì danh tiếng, tư lợi bạn sẽ dậm chân tại chỗ. Suy cho cùng, sự khen tặng, ái mộ mọi người dành cho bạn rồi cũng tan biến đi, khi cảm giác mới lạ trong họ không còn nữa. Còn nếu bạn muốn lặp lại những việc tương tự chỉ để nhận lấy những lời khen cũ rích thì bạn sẽ chẳng có động lực nội tại nào thúc đẩy bản thân tiến bước xa hơn.

*(Trích, 10 qui luật cuộc sống- Dan Sullivan Catherine Nomura, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr. 49 - 50).*

**Câu 1: Ở đoạn văn thứ nhất, tác giả đã đưa ra ý kiến gì?**

**A. Để thành công, con người phải tự hào với kết quả công việc và luôn cố gắng tạo ra trải nghiệm**

B. Để thành công, con người phải tạo ra những trải nghiệm cần thiết nhất.

C. Để thành công, con người phải luôn cố gắng, hoàn thiện mình.

D. Để thành công, con người phải biết cầu tiến, luôn tiếp cận với cái mới.

**Câu 2: Theo đoạn trích, nếu làm việc chỉ vì danh tiếng, tư lợi thì bạn sẽ trở nên như thế nào?**

A. Không phát triển được bản thân.

**B. Dậm chân tại chỗ.**

C. Không tạo được niềm vui.

D. Bị xã hội cô lập.

**Câu 3: Phép liên kết nào được sử dụng trong hai câu sau?**

“Bất cứ việc gì cũng đòi hỏi chúng ta phải thật sự chú tâm, giống như những nghệ sĩ trên sân khấu. Nếu bạn làm vì niềm vui, sự phấn khởi, vì những thử thách mà công việc ấy mang đến cho bạn và lòng tự hào về những gì làm được, bạn sẽ không ngừng phát triển bản thân”

**A. Phép nối.**

B. Phép thế.

C. Phép lặp.

D. Phép liên tưởng.

**Câu 4: Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì?**

**A. Giúp chúng ta hiểu đúng vai trò của tinh thần trách nhiệm.**

B. Giúp chúng ta hiểu đúng vai trò của tinh thần tự giác.

C. Giúp chúng ta hiểu đúng vai trò của tinh thần cầu tiến.

D. Giúp chúng ta hiểu đúng vai trò của tinh thần hợp tác.

**Câu 5: Nội dung chính của đoạn văn trên là:**

**A. Ý nghĩa của tinh thần trách nhiệm, sự chú tâm trong công việc.**

B. Ý nghĩa của tinh thần trách nhiệm, sự cầu tiến trong công việc.

C. Ý nghĩa của tinh thần trách nhiệm, sự cố gắng trong công việc.

D. Ý nghĩa của tinh thần trách nhiệm, sự ham học hỏi trong công việc.

**Câu 6: Để làm rõ nội dung trên, cụm từ nào diễn đạt đúng chủ đề của văn bản?**

A. Cầu tiến, học hỏi.

B. Cố gắng, cầu tiến.

**C. Cố gắng, chú tâm.**

D. Chú tâm, học hỏi.

**Câu 7: Dòng nào nói đúng tác dụng của phép so sánh trong câu văn “Bất cứ việc gì cũng đòi hỏi chúng ta phải thật sự chú tâm, giống như những nghệ sĩ trên sân khấu”**

A. Khẳng định được độ khó của bất cứ ngành nghề nào trong xã hội.

B. Khẳng định được sự kiên trì của con người khi làm việc.

**C. Khẳng định vai trò của sự chú tâm trong đời sống.**

D. Khẳng định ý nghĩa trọng của sự kiên trì trong đời sống.

**Câu 8: Tại sao có thể khẳng định rằng khi ta có nhiều trải nghiệm thì ta sẽ dễ đạt được thành công?**

A. Giúp ta trưởng thành hơn, biết khám phá được chính bản thân mình.

**B. Giúp ta trưởng thành hơn, biết lựa chọn những điều đúng đắn.**

C. Giúp ta trưởng thành hơn, có những định hướng đúng đắn.

D. Giúp ta trưởng thành hơn, có trách nhiệm với bản thân mình.

**9. Em rút ra được bài học gì cho bản thân từ văn bản trên?**

**10. Em đồng tình hay không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản?**

**II. VIẾT ( 4.0 điểm)**

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự tha thứ trong cuộc sống.

-----Hết-----

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com  
<https://www.vnnteach.com>

**HƯỚNG DẪN CHẤM**  
**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  
**MÔN NGỮ VĂN 7**

*Thời gian: 90 phút*

<b>Phần</b>	<b>Câu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>6,0</b>
	<b>1</b>	A	0,5
	<b>2</b>	B	0,5
	<b>3</b>	A	0,5
	<b>4</b>	A	0,5
	<b>5</b>	A	0,5
	<b>6</b>	C	0,5
	<b>7</b>	C	0,5
	<b>8</b>	B	0,5
	<b>9</b>	Bài học: phải biết chủ động, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc	1,0
	<b>10</b>	Mỗi học sinh có thể đưa ra ý kiến và phải lí giải được sự chọn lựa đó	1,0
<b>II</b>		<b>VIẾT</b>	<b>4,0</b>
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Ý nghĩa của sự tha thứ trong cuộc sống</i>	0,25
		<i>c. Triển khai các nội dung và vận dụng tốt phương pháp viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống</i> - Giải thích được nghĩa tha thứ là gì? Là biết bỏ qua lỗi lầm của họ... - Biểu hiện của tha thứ: cảm thông, rộng lượng trước sai lầm của người khác, tạo điều kiện để người khác sửa sai... - Ý nghĩa: + Giúp ta biết sửa chữa sai lầm	2,5

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biết buông bỏ hận thù</li> <li>+ Cuộc sống sẽ trở nên tốt đẹp</li> <li>+ ...</li> </ul>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.</p>	0,5

